

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N H
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2024/ HNGĐ - ST
Ngày 14-3-2024
Về việc “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N H, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kiều Hoanh.
2. Bà Kiều Việt Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện N H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2023/TLST- HNGĐ ngày 15/12/2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 01/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22/02/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T N, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn Kim TT, xã H N, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

-Bị đơn: Anh Lê Hà T T, sinh năm: 1994;

Địa chỉ: Thôn Đại A Đ1, xã H T, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nguyên đơn chị Nguyễn Thị T N trình bày:*

Chị N và anh T quen nhau tự nguyện rồi đến với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H T vào năm 2016. Quá trình chung sống vợ chồng có bất đồng quan điểm nên cuộc sống không hạnh phúc, gia đình hai bên đã khuyên giải Nều lần nhưng không thành. Chị N và anh T đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay không còn tình cảm. Vì vậy chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn đối với anh Lê Hà T T.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê T T, sinh ngày 25/11/2016. Hiện nay con đang ở với chị N.

Khi ly hôn chị N yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

*Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không đến tòa để làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến gợi ý cho Tòa án. Tòa án đã Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để anh T đến tham gia hòa giải nhưng anh T không đến, không có thiện chí hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71; Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử: Hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T N ly hôn anh Lê Hà T T; Về con chung: giao con chung Lê T T, sinh ngày 25/11/2016 cho chị Nguyễn Thị T N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Chị Nguyễn Thị T N phải chịu 300.000 án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Lê Hà T T, anh T có nơi cư trú ở xã H T, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị N, anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H T huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2018, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị N có yêu cầu ly hôn nên Tòa án nhân dân huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi đã thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Chị N vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, anh T đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Xét về yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã không thể hòa giải. Tòa án đã có tổ chức Phiên họp giao

nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không đến để tham gia hòa giải và cũng không có văn bản trình bày ý kiến thể hiện mong muốn đoàn tụ. Xét thấy giữa chị N và anh T đã sống ly thân, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N ly hôn đối với anh T là phù hợp với quy định Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung tên Lê T T, sinh ngày 25/11/2016. Hiện nay con đang sống với chị N. Chị N có yêu cầu được trực tiếp nuôi con, cháu Trúc đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với chị N. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: chị N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N H về việc giải quyết về vấn đề hôn nhân, con chung, cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung giữa chị Nguyễn Thị T N và anh Lê Hà T T là đúng pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị T N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 260, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T N.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T N được ly hôn với anh Lê Hà T T.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Lê T T, sinh ngày 25/11/2016 cho chị Nguyễn Thị T N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84, Điều 116 của Luật HNGĐ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị T N phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị N đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001727 ngày 15/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi..

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện N H;
- Chi cục THADS huyện N H;
- UBND xã H T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Lê Thị Diệu